

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Báo cáo soát xét về Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020

kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

Tháng 8 năm 2020

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	3 - 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
- Bảng cân đối kế toán	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 35

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1994/GP-UB ngày 30/8/1999 của UBND TP.HCM và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301805696 lần thứ nhất vào ngày 01/9/1999 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 20 ngày 30/10/2019 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM.

Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM (HOSE) với mã chứng khoán là ICF từ ngày 18/12/2007 theo Quyết định số 170/QĐ-SGDHCM ngày 11/12/2007 của Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ đăng ký	128.070.000.000 đồng
Vốn góp thực tế đến 30/06/2020	128.070.000.000 đồng

Trụ sở và nhà xưởng sản xuất đặt tại Lô số A77/I, Đường số 7 Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Tp.HCM.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Hội Đồng Quản Trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Kim Xuân	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Trịnh Bá Hoàng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Kim Xuân	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Trí	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thảo	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thế Phong	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Triều	Thành viên

CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRONG KỲ

- Nuôi trồng thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Dịch vụ thủy sản: dịch vụ thu gom, vận chuyển thủy sản sống, dịch vụ cung cấp thức ăn nuôi thủy sản, ươm cá - tôm giống, chế biến cá và thủy sản trên tàu, dịch vụ cung cấp nước đá ướp lạnh, bảo quản thủy sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được bổ nhiệm thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020 (Bao gồm việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ).

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020 lỗ: (4.641.398.673) đồng.

Lỗ lũy kế đến ngày 30/6/2020 là: (86.408.241.725) đồng.

2. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán tại Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

~~Thay mặt Ban Tổng Giám đốc~~



NGUYỄN THỊ KIM XUÂN
TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày 30 tháng 7 năm 2020

Số: 305/2020/DFK-BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy Sản, được lập ngày 30 tháng 7 năm 2020, từ trang 7 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có bất kỳ sự kiện nào khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán và cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2019 đã được soát xét bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Tp. HCM, ngày 12 tháng 08 năm 2020
Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam
Phó Giám đốc



LÊ ĐÌNH HUYỀN

Số Giấy CNĐKHNKT 1756-2018-142-1
Bộ Tài chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		191.480.239.556	237.188.078.637
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	109.780.266	221.127.175
1. Tiền	111		109.780.266	221.127.175
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120	V.2.1	86.017.620	129.715.950
1. Chứng khoán kinh doanh	121		531.000.000	531.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(444.982.380)	(401.284.050)
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		10.855.506.626	19.301.881.877
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	13.802.253.902	24.371.153.150
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	3.416.036.200	3.395.189.200
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.1	5.666.909.279	3.565.232.282
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.06	(12.029.692.755)	(12.029.692.755)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.07	176.468.832.680	211.891.426.789
1. Hàng tồn kho	141		191.676.045.409	227.098.639.518
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(15.207.212.729)	(15.207.212.729)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		3.960.102.364	5.643.926.846
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	269.066.959	59.965.334
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.691.035.405	5.583.961.512
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		50.490.221.783	52.337.426.634
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		457.850.547	457.850.547
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5.2	920.342.310	920.342.310
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.06	(462.491.763)	(462.491.763)
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		27.151.393.130	28.455.837.153
1. TSCĐ hữu hình	221	V.08	18.143.414.814	19.138.824.451
- Nguyên giá	222		120.720.250.229	120.720.250.229
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(102.576.835.415)	(101.581.425.778)
2. TSCĐ vô hình	227	V.09	9.007.978.316	9.317.012.702
- Nguyên giá	228		15.210.878.493	15.210.878.493
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.202.900.177)	(5.893.865.791)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		-	-
<i>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	V.2.2	21.269.598.977	21.269.598.977
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		14.992.000.000	14.992.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		22.219.425.650	22.219.425.650
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(15.941.826.673)	(15.941.826.673)
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		1.611.379.129	2.154.139.957
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	1.611.379.129	2.154.139.957
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		241.970.461.339	289.525.505.271

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		154.931.427.596	197.845.072.855
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	310		99.747.494.462	145.773.265.091
1. Phải trả cho người bán	311	V.11	45.444.768.498	85.091.656.797
2. Người mua trả tiền trước	312		3.003.359.435	1.922.026.876
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.12	430.900.444	452.220.893
4. Phải trả công nhân viên	314		665.348.538	154.483.983
5. Chi phí phải trả	315	V.13	842.129.641	600.000.000
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.14.1	4.706.590.515	4.039.297.494
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15.1	38.647.269.736	47.402.007.032
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	6.007.127.655	6.111.572.016
<i>II. Nợ dài hạn</i>	330		55.183.933.134	52.071.807.764
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.14.2	45.983.194.514	45.851.807.764
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15.2	9.200.738.620	6.220.000.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		87.039.033.743	91.680.432.416
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	410	V.17	87.039.033.743	91.680.432.416
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		128.070.000.000	128.070.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		128.070.000.000	128.070.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		24.156.097.000	24.156.097.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		21.221.178.468	21.221.178.468
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(86.408.241.725)	(81.766.843.052)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(81.766.843.052)	(71.689.773.565)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(4.641.398.673)	(10.077.069.487)
<i>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</i>	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		241.970.461.339	289.525.505.271



NGUYỄN NGÔ TẤN PHÁT
 Người lập
 Ngày 30 tháng 07 năm 2020



NGUYỄN NGÔ TẤN PHÁT
 Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ KIM XUÂN
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

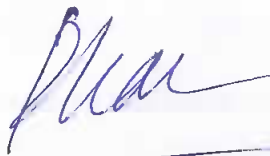
Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

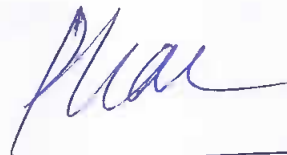
6 tháng đầu năm 2020

Đơn vị tính: VNĐ

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		36.249.167.872	49.721.754.076
2.	Các khoản giảm trừ	02		1.863.114.997	112.176.000
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	34.386.052.875	49.609.578.076
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	29.029.307.540	41.945.252.775
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.356.745.335	7.664.325.301
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	293.712.603	283.075.625
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	1.996.498.315	2.150.872.113
	- Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.416.471.106	1.739.739.486
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.05	1.734.446.793	2.918.936.116
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	6.558.793.016	9.335.182.208
10.	Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4.639.280.186)	(6.457.589.511)
11.	Thu nhập khác	31		629.452	144.905.245
12.	Chi phí khác	32		2.747.939	443.477.106
13.	Lợi nhuận khác	40		(2.118.487)	(298.571.861)
14.	Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	50		(4.641.398.673)	(6.756.161.372)
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.07	-	-
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17.	Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(4.641.398.673)	(6.756.161.372)
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08	(362)	(528)



NGUYỄN NGÔ TẤN PHÁT
Người lập
Ngày 30 tháng 07 năm 2020



NGUYỄN NGÔ TẤN PHÁT
Kế toán trưởng





NGUYỄN THỊ KIM XUÂN
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
 (theo phương pháp gián tiếp)
 6 tháng đầu năm 2020

MẪU B 03-DN
 Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01	(4.641.398.673)	(6.756.161.372)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.304.444.023	1.324.104.631
Các khoản dự phòng	03	43.698.330	2.015.732.494
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	147.415.260
(Lãi)/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	(187.610)	(220.118)
Chi phí lãi vay	06	1.416.471.106	1.739.739.486
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(1.876.972.824)	(1.529.389.619)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	10.339.301.358	(1.041.721.564)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(3.430.903.140)	(3.845.480.473)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	1.920.196.138	2.842.373.165
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	333.659.203	783.715.235
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.194.341.465)	(1.739.739.486)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(404.030.752)	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(104.444.361)	(42.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.582.464.157	(4.572.842.743)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	187.610	220.118
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	187.610	220.118
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	21.211.882.533	45.920.167.448
Tiền trả nợ gốc vay	34	(26.905.881.209)	(41.102.476.819)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.693.998.676)	4.817.690.629
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(111.346.909)	245.068.004
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	221.127.175	147.945.405
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	109.780.266	393.013.409


NGUYỄN NGÔ TẤN PHÁT
 Người lập
 Ngày 30 tháng 07 năm 2020


NGUYỄN NGÔ TẤN PHÁT
 Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ KIM XUÂN
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020

I. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1994/GP-UB ngày 30/8/1999 của UBND TP.HCM và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301805696 lần thứ nhất vào ngày 01/9/1999 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 20 ngày 30/10/2019 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM.

Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM (HOSE) với mã chứng khoán là ICF từ ngày 18/12/2007 theo Quyết định số 170/QĐ-SGDHCM ngày 11/12/2007 của Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ đăng ký	128.070.000.000 đồng
Vốn góp thực tế đến 30/06/2020	128.070.000.000 đồng

Trụ sở và nhà xưởng sản xuất đặt tại Lô số A77/I, Đường số 7 Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Tp.HCM.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất - thương mại - dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- ✓ Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh đăng ký của Công ty là:
- ✓ Nuôi trồng thủy sản; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- ✓ Dịch vụ thủy sản: dịch vụ thu gom, vận chuyển thủy sản sống, cung cấp thức ăn nuôi thủy sản, ươm cá - tôm giống, chế biến cá, thủy sản trên tàu, dịch vụ cung cấp nước đá ướp lạnh, bảo quản thủy sản;
- ✓ Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- ✓ Chế biến, bảo quản rau quả và các sản phẩm từ rau quả;
- ✓ Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- ✓ Sản xuất nước uống tinh khiết, nước khoáng đóng chai, sản xuất nước đá;
- ✓ Xây dựng công nghiệp – dân dụng – cầu đường;
- ✓ Nhà hàng ăn uống, giải khát;
- ✓ Mua bán và cho thuê nhà ở, nhà xưởng, văn phòng, kho bãi;
- ✓ Mua bán hàng nông - lâm – thủy – hải sản, lương thực, thực phẩm, hàng dệt may, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng gỗ gia dụng;
- ✓ Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; đào tạo nghề, môi giới bất động sản;
- ✓ Dịch vụ tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán);
- ✓ Dịch vụ kiểm đếm, xếp dỡ hàng hoá, giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu;
- ✓ Dịch vụ khai thuê hải quan, kinh doanh vận chuyển hàng hoá bằng đường bộ, đường thủy nội địa, đường biển, đường hàng không;
- ✓ Cho thuê phương tiện vận tải, đại lý vận tải đường biển và đường hàng không, môi giới thương mại, đại lý bán vé máy bay;
- ✓ Mua bán xe ô tô ,xe gắn máy và phụ tùng xe, thiết bị viễn thông;
- ✓ Kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các thông tin so sánh đã được kiểm tra, phân loại phù hợp để so sánh với số liệu cuối kỳ.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được quy định tại thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo. Cơ sở của kế toán và nghĩa vụ thuế, thực hiện theo phạm vi điều chỉnh tại điều 2 thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn việc ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính, không áp dụng cho việc xác định nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp đối với ngân sách Nhà nước.

2. Tuyên bố việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. Các chính sách, nguyên tắc kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm: Tiền mặt tại quỹ của Doanh nghiệp, tiền gửi Ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đối với tiền mặt tại thời điểm lập báo cáo, doanh nghiệp đánh giá lại số dư ngoại tệ theo nguyên tắc: Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền mặt bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn) tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Đối với tiền gửi ngân hàng tại thời điểm lập báo cáo tài chính, doanh nghiệp đánh giá lại số dư ngoại tệ theo nguyên tắc: Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều tài khoản ngoại tệ ở nhiều ngân hàng khác nhau và tỷ giá mua của các ngân hàng không có sự chênh lệch đáng kể thì có thể lựa

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÙY SÂN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

chọn tỷ giá mua của một trong các ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ làm căn cứ đánh giá lại

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác gồm các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết và các khoản đầu tư góp vốn khác với mục đích nắm giữ lâu dài

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: Là dự phòng phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra do giảm giá các loại chứng khoán doanh nghiệp đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh;

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (công ty con, liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

+ Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

+ Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty không phát sinh dự phòng đầu tư tài chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản thu khác tại thời điểm báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý/ nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ. Tỷ giá giao dịch khi đánh giá lại khoản phải thu của khách hàng là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều các khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Công ty tính giá trị hàng tồn kho theo phương pháp: bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

5. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào điều kiện hoạt động như dự định. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được chuyển hoá thành tài sản cố định, còn những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được khoá sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh tuân thủ theo qui định tại Thông tư 45/2013/TT -BTC của Bộ Tài Chính.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao được áp dụng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian ước tính như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc thiết bị	07 – 12
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chi liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh nhiều năm.

- Chi phí thành lập
- Chi phí trước hoạt động, chi phí chuẩn bị sản xuất;
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Phân loại:

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là số tiền Công ty đã trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoản thời gian không quá 12 tháng hoặc 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước.

Chi phí trả trước dài hạn: Là số tiền Công ty đã trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước; lợi thế thương mại và lợi thế kinh doanh còn chưa phân bổ vào chi phí tại thời điểm báo cáo.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm lập báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại:

Các khoản phải trả khi lập báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi đó phát sinh, nếu có

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc. P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

chênh lệch giữa số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ, kế toán phải theo dõi chi tiết nguyên tệ.

Phân loại các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính:

- Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn.
- Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Tại thời điểm lập báo cáo theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý và phân phối theo quy định tại điều lệ Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.
- Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty theo Đề nghị của Hội đồng quản trị và được đại hội đồng cổ đông phê duyệt:

- *Quỹ đầu tư phát triển:* Nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của công ty
- *Quỹ khen thưởng phúc lợi:* Nhằm đem lại phúc lợi chung, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hoá đã chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

kiểm soát hàng hoá.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 2 điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ, tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản tổn thất, khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ, thu nhập từ quà, biếu, tặng bằng tiền, hiện vật...

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng

Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÙY SÂN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Các khoản chi phí bán hàng không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý

Các chi phí quản lý chung chỉ được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

17. Chi phí khác

Phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

Các khoản chi phí không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Việc áp dụng được thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 26 và thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài Chính.

19. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Việc áp dụng được thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 28 và thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính

20. Công cụ tài chính

Căn cứ thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng giám đốc Công ty không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÙY SẴN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

21. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước

22. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong kỳ của trái phiếu chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÙY SÀN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2020	01/01/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	55.831.046	4.102.616
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	53.949.220	217.024.559
Cộng	<u>109.780.266</u>	<u>221.127.175</u>

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**2.1. Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	30/06/2020			01/01/2020		
	<u>Giá gốc</u> <u>VND</u>	<u>Giá trị hợp lý</u> <u>VND</u>	<u>Dự phòng</u> <u>VND</u>	<u>Giá gốc</u> <u>VND</u>	<u>Giá trị hợp lý</u> <u>VND</u>	<u>Dự phòng</u> <u>VND</u>
Chứng khoán kinh doanh	<u>531.000.000</u>	<u>86.017.620</u>	<u>444.982.380</u>	<u>531.000.000</u>	<u>129.715.950</u>	<u>401.284.050</u>

Khoản đầu tư mua 8.619 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khoan và dịch vụ Khoan dầu khí (PVD). Cổ phiếu này đã niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Giá thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở theo giá đóng cửa tại ngày 30/6/2020, được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

2.2 Đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2020			01/01/2020		
	<u>Giá gốc</u> <u>ngàn VND</u>	<u>Giá trị hợp lý</u> <u>ngàn VND</u>	<u>Dự phòng</u> <u>ngàn VND</u>	<u>Giá gốc</u> <u>ngàn VND</u>	<u>Giá trị hợp lý</u> <u>ngàn VND</u>	<u>Dự phòng</u> <u>ngàn VND</u>
Đầu tư vào công ty liên kết	14.992.000	13.492.800	1.499.200	14.992.000	13.492.800	1.499.200
Đầu tư vào đơn vị khác	22.219.426	7.776.799	14.442.627	22.219.426	7.776.799	14.442.627
Cộng	<u>37.211.426</u>	<u>21.269.599</u>	<u>15.941.827</u>	<u>37.211.426</u>	<u>21.269.599</u>	<u>15.941.827</u>

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công nợ tài chính bao gồm áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và các khoản đầu tư dài hạn tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***2.2.1. Đầu tư vào công ty liên kết**

Tên Công ty liên kết	Giá trị đầu tư	
	30/06/2020	01/01/2020
	VNĐ	VNĐ
Công ty Cổ phần ĐT TM Thủy sản Hoa Kỳ	14.992.000.000	14.992.000.000
Cộng	14.992.000.000	14.992.000.000

Khoản đầu tư ra nước ngoài thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản Hoa Kỳ (Incomfish US) tại Hoa Kỳ. Tổng vốn đầu tư đăng ký là 900.000USD, số vốn thực góp đến ngày 30/06/2020 là 900.000,00 USD tương đương 14.992.000.000 đồng tương đương 49%.

2.2.2. Đầu tư dài hạn khác

Tên Công ty	Giá trị đầu tư	
	30/06/2020	01/01/2020
Công ty TNHH SXKD Dịch vụ Sa Ga	22.219.425.650	22.219.425.650
Cộng	22.219.425.650	22.219.425.650

Đầu tư vào Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Dịch vụ Sa Ga theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304133361 ngày 05/07/2017 với số vốn góp tại ngày 30/06/2020 là 22.219.425.650 đồng, tương đương tỷ lệ 10% vốn điều lệ của Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Dịch vụ Sa Ga. Mục đích đầu tư nhằm xây dựng cao ốc văn phòng cho thuê tại địa chỉ số 32 Mạc Đĩnh Chi, P. Đa Kao, Q.1, Tp. HCM.

3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/06/2020	01/01/2020
	VNĐ	VNĐ
Phải thu khách hàng ngắn hạn	13.802.253.902	24.371.153.150
<i>Phải thu bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu khách hàng khác</i>	13.802.253.902	24.371.153.150
- Dragon Sourcing Group Limited	9.087.663.520	9.087.663.520
- Kim Distri	1.024.236.808	3.243.126.094
- Paris Store S.A	-	2.759.778.912
- Công ty TNHH Thực phẩm Xanh Đồng Tháp	773.466.490	1.038.396.490
- Các khoản phải thu khách hàng khác	2.916.887.084	6.551.125.905
Phải thu khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	13.802.253.902	24.371.153.150

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	30/06/2020	01/01/2020
	VNĐ	VNĐ
- Công ty TNHH Minh Phương	3.109.860.000	3.109.860.000
- Các khoản trả trước cho người bán khác	306.176.200	285.329.200
Cộng	3.416.036.200	3.395.189.200

5. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá trị VNĐ	Dự phòng VNĐ
5.1 Phải thu khác ngắn hạn	5.666.909.279	-	3.565.232.282	-
Thuế GTGT đầu vào chờ hoàn	3.154.956.872	-	404.545.329	-
Tạm ứng	1.834.604.287	-	2.065.219.228	-
Phải thu khác	677.348.120	-	1.095.467.725	-
5.2 Phải thu khác dài hạn	920.342.310	(462.491.763)	920.342.310	(462.491.763)
Phải thu từ bên liên quan				
- ICF US	462.491.763	(462.491.763)	462.491.763	(462.491.763)
Phải thu từ đối tượng khác	457.850.547		457.850.547	
Cộng	6.587.251.589	(462.491.763)	4.485.574.592	(462.491.763)

6. NỢ XẤU

	30/06/2020		01/01/2020	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VNĐ	Thời gian quá hạn	Giá gốc VNĐ
<i>Các khoản phải thu quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi</i>				
Golden sea	trên 3 năm	402.022.575	trên 3 năm	402.022.575
ICF US	trên 3 năm	462.491.763	trên 3 năm	462.491.763
Golden Harvest	trên 3 năm	985.076.659	trên 3 năm	985.076.659
Dragon sourcing	trên 3 năm	9.087.663.520	trên 3 năm	9.087.663.520
Công ty Minh Phương	trên 3 năm	3.109.860.000	trên 3 năm	3.109.860.000
Cộng		14.047.114.517		14.047.114.517

(*) Trong đó, số nợ xấu đã được trích lập dự phòng đến ngày 30/06/2020 là 12.492.184.518 đồng (ngày 01/01/2020 là 12.492.184.518 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

7. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	162.397.848.693	-	199.774.568.935	-
- NVL nhập khẩu	2.592.541.820	-	54.380.609.250	-
- NVL trong nước	2.857.786.169	-	3.402.231.475	-
- Bán thành phẩm	40.690.233.457	(12.682.369.806)	24.087.462.982	(12.682.369.806)
- Vật liệu phụ, bao bì	6.154.347.557	-	6.500.623.265	-
Công cụ dụng cụ	3.046.655.683	-	3.073.702.931	-
Chi phí sản xuất dở dang	55.179.747	-	1.816.718.961	-
Thành phẩm	25.623.138.064	(2.524.842.923)	22.433.648.691	(2.524.842.923)
Hàng gửi bán	553.223.222	-	-	-
Cộng	191.676.045.409	(15.207.212.729)	227.098.639.518	(15.207.212.729)

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2020	43.718.683.540	67.412.731.844	7.734.556.758	1.854.278.087	120.720.250.229
Tại ngày 30/06/2020	43.718.683.540	67.412.731.844	7.734.556.758	1.854.278.087	120.720.250.229
KHẤU HAO LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2020	30.999.335.229	62.027.748.722	6.701.969.257	1.852.372.570	101.581.425.778
Khấu hao trong kỳ	820.916.946	57.066.977	116.140.410	1.285.304	995.409.637
Tại ngày 30/06/2020	31.820.252.175	62.084.815.699	6.818.109.667	1.853.657.874	102.576.835.415
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2020	12.719.348.311	5.384.983.122	1.032.587.501	1.905.517	19.138.824.451
Tại ngày 30/06/2020	11.898.431.365	5.327.916.145	916.447.091	620.213	18.143.414.814

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 61.658.341.323 đồng.

Nhà xưởng và máy móc thiết bị đảm bảo thế chấp cho khoản vay thuyết minh tại mục 15 trang 26 đã được mua bảo hiểm theo hợp đồng với Công ty Bảo hiểm Bảo Việt Tp. Hồ Chí Minh số 2888144 (D20-28571/73857) ngày 12/05/2020. Thời hạn bảo hiểm là 1 năm (từ ngày 13/05/2020 đến ngày 12/05/2021).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Nhãn hiệu hàng hóa VNĐ	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2020	5.712.920.000	9.284.870.893	213.087.600	15.210.878.493
Tại ngày 30/06/2020	5.712.920.000	9.284.870.893	213.087.600	15.210.878.493
KHẤU HAO LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2020	4.854.808.066	848.970.135	190.087.590	5.893.865.791
Khấu hao trong kỳ	142.822.998	143.211.378	23.000.010	309.034.386
Tại ngày 30/06/2020	4.997.631.064	992.181.513	213.087.600	6.202.900.177
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2020	858.111.934	8.435.900.758	23.000.010	9.317.012.702
Tại ngày 30/06/2020	715.288.936	8.292.689.380	-	9.007.978.316

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là quyền sử dụng đất có thời hạn theo theo giấy chứng nhận số CI 545614 cấp ngày 21/06/2017 tại địa chỉ lô số A74/I, A75/I, A76/I, A77/I - Đường số 7 - Khu công nghiệp Vĩnh Lộc - Quận Bình Tân - Thành phố Hồ Chí Minh. Diện tích: 20.802 m². Thời hạn thuê đất đến tháng 9/2049.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2020 VNĐ	01/01/2020 VNĐ
Chi phí trả trước ngắn hạn	269.066.959	59.965.334
- Công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	269.066.959	59.965.334
Chi phí trả trước dài hạn	1.611.379.129	2.154.139.957
- Trả trước chi phí xây dựng vùng nuôi	1.611.379.129	2.154.139.957
Cộng	1.880.446.088	2.214.105.291

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2020 VNĐ	01/01/2020 VNĐ
Phải trả người bán ngắn hạn		
- Ocea Trading Co., Ltd	2.089.305.408	4.142.820.217
- Tai Foong USA	6.281.390.614	6.259.823.608
- Nichiyo Trading Co. Ltd.	1.417.221.801	2.535.849.466
- UTIC Co., Ltd	737.522.822	1.592.819.554
- Ze Hui Co., Ltd	21.328.359.825	50.515.618.286
- Tsujino & Co., Ltd	2.193.182.400	7.359.161.272
- Các khoản phải trả người bán khác	11.397.785.628	12.685.564.394
Cộng	45.444.768.498	85.091.656.797

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỢ NHÀ NƯỚC**

	01/01/2020	Số phải nộp	Số đã nộp	30/06/2020
	Phải nộp			Số phải nộp
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	404.030.752	404.030.752	-
Thuế TNCN	23.644.319	178.126.853	199.447.302	2.323.870
Thuế XNK	-	4.745.590	4.745.590	-
Thuế khác	428.576.574	3.000.000	3.000.000	428.576.574
Cộng	452.220.893	589.903.195	611.223.644	430.900.444

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2020	01/01/2020
	VNĐ	VNĐ
Chi phí lãi vay phải trả	822.129.641	600.000.000
Chi phí phải trả khác	20.000.000	-
Cộng	842.129.641	600.000.000

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2020	01/01/2020
	VNĐ	VNĐ
14.1 Phải trả khác ngắn hạn	4.706.590.515	4.039.297.494
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	592.893.529	488.179.676
Kinh phí công đoàn	1.885.504.323	1.838.292.219
Tiền thưởng sản lượng	845.849.602	112.399.606
Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	50.000.000	50.000.000
Các khoản phải trả khác	1.332.343.061	1.550.425.993
14.2 Phải trả khác dài hạn	(*) 45.983.194.514	45.851.807.764
Phải trả cho Bà Nguyễn Thị Kim Xuân	31.747.168.139	31.747.168.139
Phải trả cho Bà Nguyễn Thị Kim Thu	3.010.000.000	3.010.000.000
Phải trả cho Bà Nguyễn Thị Kim Thủy	11.226.026.375	11.094.639.625
Cộng	50.689.785.029	49.891.105.258

(*) Phải trả khác dài hạn cho các cá nhân là các khoản mượn tiền, có thời hạn thanh toán trên 01 năm và không tính lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

15. CÁC KHOẢN VAY

		01/01/2020	Trong kỳ		30/06/2020
		Giá trị/Số có khả năng trả nợ VNĐ	Tăng VNĐ	Giảm VNĐ	Giá trị/Số có khả năng trả nợ VNĐ
15.1 Vay ngắn hạn		47.402.007.032	18.211.882.533	26.966.619.829	38.647.269.736
- NH Ngoại thương	15.1	45.209.770.562	15.611.882.533	24.774.383.359	36.047.269.736
+ Vay VND		25.440.714.656	9.761.443.128	10.270.770.964	24.931.386.820
+ Vay USD		19.769.055.906	5.850.439.405	14.503.612.395	11.115.882.916
- NH VPBank		2.112.236.470	-	2.112.236.470	-
+ Vay VND		2.112.236.470	-	2.112.236.470	-
- Vay cá nhân (VND)	15.2	80.000.000	2.600.000.000	80.000.000	2.600.000.000
- Nợ đến hạn trả		-	-	-	-
15.2 Vay dài hạn	15.3	6.220.000.000	3.000.000.000	19.261.380	9.200.738.620
- Nguyễn T Kim Xuân		4.000.000.000	-	-	4.000.000.000
- Nguyễn T Kim Thu		2.220.000.000	-	-	2.220.000.000
- Nguyễn Hoàng Ngọc Trang		-	3.000.000.000	19.261.380	2.980.738.620
Cộng		53.622.007.032	21.211.882.533	26.985.881.209	47.848.008.356

(15.1) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. HCM theo hợp đồng cấp tín dụng số 0095/1938/N-KD ngày 05/09/2019 và hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0095/1838/N-CTD ký ngày 05/09/2019. Hạn mức tín dụng tại ngày 30/06/2020 là 50 tỷ đồng; lãi suất vay theo từng thời điểm và cụ thể theo các giấy nhận nợ. Số dư nợ vay đến ngày 30/06/2020 bao gồm 24.931.386.820 VND và 477.076,52 USD.

Tài sản đảm bảo thế chấp cho khoản vay này chi tiết theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 0619/1938/TCDN2 ngày 05/09/2019, bao gồm: Các công trình phụ trợ ngoài phạm vi công trình chính, tài sản gắn liền với đất khác theo hồ sơ công trình thuộc sở hữu của bên thế chấp được xây dựng, tạo lập trên thửa đất số 76, tờ bản đồ số 1 với tổng diện tích 20.820,0m², thời hạn sử dụng đến 30/09/2049 tại lô A74/I, A75/I, A76/I, A77/I, đường số 7, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh (tổng diện tích 14.593,90 m²).

(15.2) Vay ngắn hạn từ các cá nhân theo các thỏa thuận vay với thời hạn vay từ 06-09 tháng. Lãi suất vay là 13.5%/năm.

(15.3) Các khoản vay dài hạn từ các cá nhân có thời hạn vay từ 36 đến 120 tháng.

16. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	01/01/2020	Tăng do trích từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	30/06/2020
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Quỹ khen thưởng	4.043.033.418	-	25.500.000	4.017.533.418
Quỹ phúc lợi	2.068.538.598	-	78.944.361	1.989.594.237
Cộng	6.111.572.016	-	104.444.361	6.007.127.655

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***17. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU****17.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn chủ sở hữu VNĐ	Thặng dư vốn VNĐ	Quỹ đầu tư và phát triển VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
01/01/2019	128.070.000.000	24.156.097.000	21.221.178.468	(54.471.140.427)	118.976.135.041
Góp vốn	-	-	-	-	-
Lỗi trong kỳ	-	-	-	(6.756.161.372)	(6.756.161.372)
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	-	-
30/06/2019	128.070.000.000	24.156.097.000	21.221.178.468	(61.227.301.798)	112.219.973.670
01/01/2020	128.070.000.000	24.156.097.000	21.221.178.468	(81.766.843.052)	91.680.432.416
Góp vốn	-	-	-	-	-
Lỗi trong kỳ	-	-	-	(4.641.398.673)	(4.641.398.673)
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	-	-
30/06/2020	128.070.000.000	24.156.097.000	21.221.178.468	(86.408.241.725)	87.039.033.743

17.2 Cổ phiếu

	30/06/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.807.000	12.807.000
Số lượng cổ phần đã phát hành	12.807.000	12.807.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.807.000	12.807.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.807.000	12.807.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.807.000	12.807.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<u>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu</u>		

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**18.1. Ngoại tệ các loại**

	30/06/2020	01/01/2020
Dollar Mỹ (USD)	660,78	798,98
Euro (EUR)	324,59	532,83

18.2. Nguyên vật liệu, vật tư hàng hóa giữ hộ

	30/06/2020	01/01/2020
Nguyên vật liệu, vật tư hàng hóa giữ hộ	38.659.545.646	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

18.3. Nợ khó đòi đã xử lý

	30/06/2020	01/01/2020
	VNĐ	VNĐ
HYL International	1.055.093.543	1.055.093.543
Công ty Biển Sáng	418.109.438	418.109.438
World Foods Co. Ltd.	177.046.800	177.046.800
IGLO GMBH	16.275.659	16.275.659
Nguyễn Văn Hiến	27.065.700	27.065.700
Cộng	1.693.591.140	1.693.591.140

Nguyên nhân xóa sổ nợ khó đòi: Khách hàng đã thay đổi địa điểm trụ sở và không có khả năng thanh toán nợ.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VNĐ	VNĐ
Doanh thu xuất khẩu	33.416.076.413	43.436.610.730
Doanh thu bán hàng nội địa	816.605.221	993.258.890
Doanh thu khác	2.016.486.238	5.291.884.456
	36.249.167.872	49.721.754.076
Các khoản giảm trừ		
Hàng bán trả lại	1.863.114.997	-
Giảm giá hàng bán	-	112.176.000
Cộng doanh thu thuần	34.386.052.875	49.609.578.076

2. Chi tiết doanh thu như sau:

	USD	VNĐ	Quy ra VNĐ
Doanh thu xuất khẩu	1.359.053,84	-	31.552.961.416
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	816.605.221	816.605.221
Doanh thu bán hàng nội địa	-	2.016.486.238	2.016.486.238
Doanh thu khác	-	-	-
Cộng	1.359.053,84	2.833.091.459	34.386.052.875

3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VNĐ	VNĐ
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa	29.029.307.540	41.945.252.775
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	29.029.307.540	41.945.252.775

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2020 VNĐ	6 tháng đầu năm 2019 VNĐ
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	187.610	220.118
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	293.524.993	282.855.507
Cộng	293.712.603	283.075.625

5. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2020 VNĐ	6 tháng đầu năm 2019 VNĐ
Chi phí lãi vay	1.416.471.106	1.739.739.486
Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá đầu tư chứng khoán	43.698.330	(31.735.836)
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	536.328.879	442.868.463
Cộng	1.996.498.315	2.150.872.113

6. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2020 VNĐ	6 tháng đầu năm 2019 VNĐ
Chi phí nhân viên bán hàng	583.880.628	759.600.300
Chi phí xuất hàng, vận chuyển	975.126.556	1.628.429.995
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.703.528	150.630.505
Chi phí bằng tiền khác	115.736.081	380.275.316
Cộng	1.734.446.793	2.918.936.116

7. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2020 VNĐ	6 tháng đầu năm 2019 VNĐ
Chi phí nhân viên quản lý	5.130.035.088	5.208.270.389
Chi phí vật liệu, văn phòng phẩm	66.888.631	54.155.102
Chi phí khấu hao TSCĐ	169.544.238	169.544.226
Phân bổ chi phí vùng nuôi trả trước	522.476.826	783.715.235
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	2.047.468.330
Chi phí dịch vụ mua ngoài	549.445.615	778.163.781
Chi phí bằng tiền khác	120.402.618	293.865.146
Cộng	6.558.793.016	9.335.182.208

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	6 tháng đầu năm 2020 VNĐ	6 tháng đầu năm 2019 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	(4.641.398.673)	(6.756.161.372)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	(4.641.398.673)	(6.756.161.372)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	15%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

9. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	6 tháng đầu năm 2020 VNĐ	6 tháng đầu năm 2019 VNĐ
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(4.641.398.673)	(6.756.161.372)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho các cổ phần phổ thông.	-	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ phần phổ thông.	(4.641.398.673)	(6.756.161.372)
Cổ phần phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	12.807.000	12.807.000
Lãi/ (Lỗ) cơ bản trên mỗi cổ phần	(362)	(528)

10. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2020 VNĐ	6 tháng đầu năm 2019 VNĐ
Chi phí nguyên vật liệu	13.899.601.806	26.914.648.413
Chi phí nhân công	13.639.745.917	15.135.458.313
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.304.444.023	1.324.104.631
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.107.808.473	6.227.688.832
Chi phí bằng tiền khác khác	819.180.636	1.267.624.522
Cộng	33.770.780.855	50.869.524.711

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***11. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu/phải trả đối với các bên liên quan như sau:

		30/06/2020	01/01/2020
Nợ phải thu			
Incomfish US	USD	4.539,80	4.539,80
Incomfish US	VNĐ	462.491.763	462.491.763
Nợ phải trả			
Bà Nguyễn Thị Kim Thùy	VNĐ	11.226.026.375	11.094.639.625
Bà Nguyễn Thị Kim Xuân	VNĐ	35.747.168.139	35.747.168.139
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	VNĐ	5.230.000.000	5.230.000.000

Tiền lương và phụ cấp của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong 06 tháng đầu năm 2020 là 891.938.584 đồng.

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi nhuận thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2020	01/01/2020
	VNĐ	VNĐ
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	109.780.266	221.127.175
Phải thu khách hàng và phải thu khác	20.389.505.491	28.856.727.742
Đầu tư ngắn hạn	86.017.620	129.715.950
Đầu tư dài hạn	21.269.598.977	21.269.598.977
Tổng cộng	41.854.902.354	50.477.169.844
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	47.848.008.356	53.622.007.032
Phải trả người bán và phải trả khác	96.134.553.527	134.982.762.055
Chi phí phải trả	842.129.641	600.000.000
Tổng cộng	144.824.691.524	189.204.769.087

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính "Thông tư 210". Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công nợ tài chính bao gồm áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty. Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của công cụ tài chính biến động theo những thay đổi theo giá thị trường này thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Để quản lý rủi ro, Công ty tiến hành cơ cấu lại danh mục đầu tư theo hướng giảm thiểu rủi ro ở mức chấp nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cao kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

- *Phải thu khách hàng*

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn.

- *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Tài sản tài chính quá hạn và/ hoặc suy giảm giá trị

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư tài chính được xác định là có suy giảm giá trị và sự tăng giảm của dự phòng giảm giá trị liên quan như sau:

	Giá trị ghi sổ	Tăng (giảm)	Giá trị hợp lý	Dự phòng giảm giá
Tại ngày 30/06/2020				
Đầu tư ngắn hạn	531.000.000	(444.982.380)	86.017.620	(444.982.380)
- Chứng khoán vốn	531.000.000	(444.982.380)	86.017.620	(444.982.380)
Đầu tư dài hạn	37.211.425.650	(15.941.826.673)	21.269.598.977	6.277.598.977
- Công ty liên kết	14.992.000.000	(1.499.200.000)	13.492.800.000	(1.499.200.000)
- Đầu tư dài hạn khác	22.219.425.650	(14.442.626.673)	7.776.798.977	7.776.798.977
Cộng	37.742.425.650	(16.386.809.053)	21.355.616.597	5.832.616.597
Tại ngày 01/01/2020				
Đầu tư ngắn hạn	531.000.000	(401.284.050)	129.715.950	(401.284.050)
- Chứng khoán vốn	531.000.000	(401.284.050)	129.715.950	(401.284.050)
Đầu tư dài hạn	37.211.425.650	(15.941.826.673)	21.269.598.977	(15.941.826.673)
- Công ty liên kết	14.992.000.000	(1.499.200.000)	13.492.800.000	(1.499.200.000)
- Đầu tư dài hạn khác	22.219.425.650	(14.442.626.673)	7.776.798.977	(14.442.626.673)
Cộng	37.742.425.650	(16.343.110.723)	21.399.314.927	(16.343.110.723)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn trả và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phát sinh và tài sản tài chính phi phát sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Khoản mục	Dưới 01 năm VNĐ	Từ 01 - 05 năm VNĐ	Tổng VNĐ
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH			
Tại 30/06/2020			
Các khoản vay	38.647.269.736	9.200.738.620	47.848.008.356
Phải trả người bán và phải trả khác	50.151.359.013	45.983.194.514	96.134.553.527
Chi phí phải trả	842.129.641	-	842.129.641
Cộng	89.640.758.390	55.183.933.134	144.824.691.524
Tại ngày 01/01/2020			
Các khoản vay	47.402.007.032	6.220.000.000	53.622.007.032
Phải trả người bán và phải trả khác	89.130.954.291	45.851.807.764	134.982.762.055
Chi phí phải trả	600.000.000	-	600.000.000
Cộng	137.132.961.323	52.071.807.764	189.204.769.087
TÀI SẢN TÀI CHÍNH			
Tại 30/06/2020			
Tiền và các khoản tương đương tiền	109.780.266	-	109.780.266
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.884.540.427	-	5.884.540.427
Đầu tư ngắn và dài hạn	86.017.620	21.269.598.977	21.355.616.597
Cộng	6.080.338.313	21.269.598.977	27.349.937.290
Tại ngày 01/01/2020			
Tiền và các khoản tương đương tiền	221.127.175	-	221.127.175
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.906.692.677	-	15.906.692.677
Đầu tư ngắn và dài hạn	129.715.950	21.269.598.977	21.399.314.927
Cộng	16.257.535.802	21.269.598.977	37.527.134.779

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

2. Thông tin về Báo cáo bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn một trong các điều kiện theo lĩnh vực kinh doanh hay theo vị trí địa lý theo quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính V/v hướng dẫn thực hiện 06 chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

3. Thông tin về hoạt động liên tục

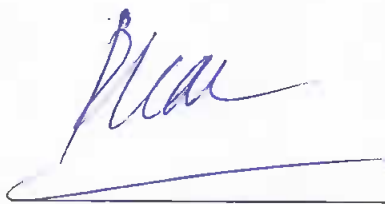
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai, Hội đồng quản trị Công ty không có ý định cũng như không buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính năm bán niên cho kỳ tài chính 06 tháng đầu năm 2019 và báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ


Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.



NGUYỄN NGÔ TẤN PHÁT
Người lập
Ngày 30 tháng 07 năm 2020



NGUYỄN NGÔ TẤN PHÁT
Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ KIM XUÂN
Tổng Giám đốc